TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-PT
Ngày: 25/01/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: ông Lê Thanh Hoàng, ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2023/TLPT-DS ngày 19/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng mua bán tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2023/QĐ-PT ngày 05/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 377/2023/QĐ-PT ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lê Văn H, sinh năm 1965; bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1982; cùng nơi cư trú: số 274 đường TĐT, khóm Long T D, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H, bà T: ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1980; nơi cư trú: khóm 3, phường CPA, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2021), có mặt.

- *Bị đơn:* ông Lê Văn Ch, sinh năm 1974; nơi cư trú: số 16 đường Hai Bà Trưng, khóm LT, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch: ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2021), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hộ kinh doanh TĐ; địa chỉ: số 16 đường Hai Bà Trưng, tổ 07, khóm LT A, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Chủ Hộ kinh doanh TĐ: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2023), có mặt.

2. Công ty TNHH MTV thương mại sản xuất HP; địa chỉ: khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1982, chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú: số 274 đường TĐT, khóm Long T D, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Công ty TNHH DV TM TLS AG; địa chỉ: số 886 Trần Hưng Đạo, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Cao Thanh L, sinh năm 1978; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ liên lạc: số 251/02, ấp HP 3, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người kháng cáo: các đương sự Lê Văn H, Đỗ Thị Kim T, Lê Văn Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Đỗ Thị Kim T do ông Nguyễn Ngọc C đại diện trình bày:

Ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T (vợ ông H) với ông Lê Văn Ch là bạn bè nên ngày 17/12/2020, ông H và bà T cho ông Ch vay số tiền 200.000.000 đồng để ông Ch thanh toán phí lắp đặt điện năng lượng mặt trời. Ông Ch vay và nhờ ông H, bà T chuyển khoản thanh toán cho Công ty TNHH DV TM TLS An Giang. Do chỗ bạn bè thân thiết nên ông H, bà T cho ông Ch vay tạm vài ngày, không tính lãi. Ngay khi ông Ch vay thì ông H và bà T đã chuyển khoản cho Công ty TNHH DV TM TLS An Giang theo yêu cầu của ông Ch. Ngày 08/02/2021 ông Ch tiếp tục nhận tiền vay của ông H, bà T số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận vay tạm vài ngày, không tính lãi, khi nhận tiền vay thì ông Ch có ghi biên nhận nhận tiền. Ông H, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Ch trả các khoản vay nêu trên nhưng đến nay ông Ch chưa trả. Ông H, bà T yêu cầu ông Ch trả số tiền vay 300.000.0000 (ba trăm triệu) đồng.

Bị đơn ông Lê Văn Ch do ông Nguyễn Quốc K đại diện trình bày:

Ông Ch không vay của ông H, bà T số tiền 200.000.000 đồng để trả cho Công ty TNHH DV TM TLS An Giang. Nội dung giấy ủy nhiệm chi ngày 17/12/2020 không liên quan đến ông Ch.

Vào ngày 09/01/2021, vợ chồng ông H, bà T đã mua của ông Ch bộ ngựa chân quỳ, loại gỗ Hương Châu Phi (Hương Tím) với kích thước ngang 1,8m x

dài 3,03m, độ dày 11,5cm với giá 110.000.000 đồng do chỗ quen biết nên không làm hợp đồng mua bán. Ông Ch chỉ ghi hóa đơn bán lẻ trong sổ hóa đơn để theo dõi việc mua bán. Ngày 08/02/2021, vợ chồng ông H, bà T có cho nhân viên của Công ty TNHH MTV TM SX HP (do ông H, bà T làm chủ) đến trả 100.000.000 đồng còn nợ lại 10.000.000 đồng. Khi giao nhận tiền thì nhân viên của Công ty (không rõ họ tên, địa chỉ) có đề nghị làm biên nhận để về giao lại cho vợ chồng ông H, bà T. Ông Ch viết biên nhận với nội dung có nhận số tiền 100.000.000 đồng rồi giao cho nhân viên Công ty HP.

Ông Ch không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T, về việc ông H, bà T yêu cầu ông Ch trả số tiền vay 300.000.000 đồng. Đồng thời, ông Ch có yêu cầu phản tố, yêu cầu vợ chồng ông H, bà T trả số tiền nợ mua bộ ngựa chân quỳ, loại gỗ Hương Châu Phi với số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Ch rút lại yêu cầu phản tố không yêu cầu ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T trả số tiền 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Dịch vụ thương mại SL AG có ông Cao Thanh L đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông L không có mối quan hệ bà con thân thích với ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T, ông Lê Văn Ch. Vào khoảng tháng 10/2020, ông Lê Văn H có liên hệ với Công ty TNHH DVTM THANH LONG SL AG (viết tắt Công ty) để lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời. Công ty đã lắp đặt xong cho ông H. Thời điểm lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho ông H (khoảng tháng 12) ông H giới thiệu cho Công ty đến nhà ông Lê Văn Ch để lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho ông Ch. Sau đó, ông Ch tiến hành ký hợp đồng với Công ty, Công ty tiến hành lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho ông Ch.

Công ty và ông Ch có ký kết hợp đồng kinh tế và lắp đặt thiết bị số 108/2020 - HĐKT - TL ngày 14/12/2020. Theo hợp đồng Công ty sẽ tiến hành lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời, giá 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, công suất 10 KWP, các điều khoản cụ thể đã được ghi nhận trong hợp đồng nêu trên, Công ty đã tiến hành lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho ông Ch xong. Theo thoả thuận của hợp đồng thì ông Ch sẽ tạm ứng 20% giá trị hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được ký kết. Tiếp đến thanh toán lần lượt 50% sau khi bên B lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống, ông Ch tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 30% khi Công ty lắp đặt hoàn thành đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, sau khi lắp đặt khung sườn cho ông Ch, Công ty có ý định đề nghị ông Ch tạm ứng tiền nhưng ông Ch không có ở nhà, thời điểm đó chỉ có ba ông Ch ở nhà. Ông L đại diện cho Công ty gọi điện thoại cho ông H, Ông L nói: "em muốn ứng tiền để nhập hàng về lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời nhưng ông Ch không có ở nhà" ông H trả lời: "thôi để anh trả giùm cho nó rồi anh lấy tiền nó lại". Sau khi nói chuyện xong thì Ông L nhắn cho ông H số tài khoản: 7011.0000.537312. Chiều cùng ngày, phía ông H chuyển cho Ông L 200.000.000 đồng nhưng ông H chuyển tiền cho Ông L với tư cách là Công ty TNHH HP (ai là người đại diện theo pháp luật của công ty thì Ông L không biết). Sau khi nhận tiền từ Công ty

HP thì Ông L chưa nói cho ông Ch biết. Đến khi nghiệm thu hợp đồng ngày 22 tháng 12 năm 2020 với ông Ch thì Ông L có nói cho ông Ch biết số tiền 200.000.000 đồng ông H đã thanh toán cho ông Ch xong, ông Ch nói "uh, ok". Khi đó chỉ có Ông Lvà ông Ch biết. Công ty không yêu cầu ông Ch trả số tiền thanh toán hợp đồng 200.000.000 đồng vì Ông L đã nhận chuyển khoản từ Công ty TNHH HP.

Bà Nguyễn Thị V là chủ hộ Hộ kinh doanh TĐ do ông Nguyễn Quốc K đại diện trình bày:

Vào ngày 09/01/2021, vợ chồng ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T có đến Cửa hàng trang trí nội thất TĐ (địa chỉ: số 16-18, đường HBT, khóm LT A, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang) do bà V làm chủ, để mua 01 bộ ngựa chân quỳ, loại gỗ Hương Châu Phi (Hương Tím) với kích thước ngang 1,8m, dài 3,03m, độ dày 0,11m, có giá là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Sau khi thỏa thuận mua bán xong, bà V đã thuê xe của ông Nguyễn Thanh T, vận chuyển đến nhà ông H, bà T. Khi vận chuyển có sự tham gia của những người sau: ông Nguyễn Thanh T, ông Trịnh Hữu N, ông Nguyễn Bảo V, ông Huỳnh Thanh S, ông Huỳnh Thanh P.

Ngày 08/02/2021 ông H, bà T có cho nhân viên của Công ty TNHH MTV TM SX HP đến trả cho bà 100.000.000 (một trăm triệu) đồng còn nợ lại 10.000.000 đồng. Khi giao nhận tiền thì nhân viên của Công ty HP có đề nghị ông Lê Văn Ch (chồng) làm biên nhận để về giao cho ông H, bà T. Khi đó ông Ch có viết biên nhận với nội dung có nhận số tiền 100.000.000 đồng rồi giao cho nhân viên của Công ty HP.

Do là chỗ quen biết, có nhiều lần buôn bán với nhau nên việc ông H, bà T mua bán 01 bộ ngựa chân quỳ của bà V thì không có lập giấy tờ mua bán, chỉ dựa trên sự tin tưởng của những lần mua bán trước đó. Hiện nay, vợ chồng ông H, bà T còn nợ lại bà V số tiền 10.000.000 đồng nhưng từ chối thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà V yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh TĐ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

*Bà Đỗ Thị Kim T đại diện theo pháp luật cung cấp Công ty TNHH MTV thương mại sản xuất HP trình bày***:**

Đối với số tiền 200.000.000 đồng là do ông Ch vay tạm của cá nhân ông H và bà T để thanh toán, nhưng do vợ chồng bà T và ông H cùng quản lý tài khoản của Công ty để chuyển khoản cho Công ty TNHH DV TM TLS An Giang (Ủy nhiệm chi ngày 17/12/2020, tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam). Sau đó, vợ chồng bà T và ông H đã hoàn trả số tiền này cho Công ty. Công ty không có ý kiến, thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T đối với ông Lê Văn Ch về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản".

Buộc ông Lê Văn Ch có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T số tiền vốn gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày ông H, bà T có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Chcòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T đối với ông Lê Văn Ch về việc ông H, bà T yêu cầu ông Ch trả cho số tiền vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Ch đối với ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T về việc ông Ch yêu cầu ông H, bà T trả số tiền 10.000.000 đồng (chậm thanh toán tiền mua tài sản).

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị V là chủ Hộ kinh doanh TĐ đối với ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T về việc bà V yêu cầu ông H, bà T trả số tiền 10.000.000 đồng (chậm thanh toán tiền mua tài sản).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023 ông Lê Văn Ch kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T về việc buộc ông Ch trả cho ông H, bà T 200.000.000 đồng. Ngày 20/9/2023 ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu ông Lê Văn Ch phải trả số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông H, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện, ông Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận:

Nguyên đơn: không cung cấp thêm chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn: nguyên đơn thừa nhận có mua bộ ngựa chân quỳ của ông Ch vào tháng 01/2021, ông Ch đã thanh toán tiền lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Công ty SL 03 đợt như hợp đồng đã ký kết, ủy nhiệm chi ngày 17/12/2020 không liên quan đến ông Ch, ông Ch không nhờ Công ty HP trả tiền cho Công ty SL. Nếu ông Ch nợ ông H, bà T 200 triệu đồng thì không lý nào ngày 08/02/2021 ông H lại đem 100 triệu đồng đưa cho ông Ch mà không trừ nợ. Tại thời điểm này ông Ch còn rất nhiều tiền không có lý do gì mà phải nhờ ông H chuyển tiền cho Công ty SL. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền kháng cáo trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V là có căn cứ. Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn, bị đơn, bà Nguyễn Thị V có mặt; các đương sự khác đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự còn lại.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T:

Ông H, bà T căn cứ vào biên nhận ngày 08/02/2021 có nội dung *"Tôi Lê Văn Ch: Cửa hàng đồ gỗ TĐ có nhận tiền của chị T HP số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)"(BL 06)* đề khởi kiện yêu cầu ông Ch phải trả số tiền 100.00.000 đồng. Ông H, bà T cho rằng 100.000.000 đồng này là ông Ch vay của ông Ông H, bà T vào ngày 08/02/2021. Ông Ch không thừa nhận có vay của ông H, bà T 100.000.000 đồng, mà do ngày 09/01/2021 ông có bán cho ông H, bà T bộ ngựa chân quỳ, loại gỗ hương giá 110.000.000 đồng, ngày 08/02/2021 ông H, bà T cho nhân viên đem 100.000.000 đồng đến trả thì ông Ch viết biên nhận ngày 08/02/2021.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm đại diện cho ông H, bà T thừa nhận ông H, bà T có mua của ông Ch 01 bộ ngựa chân quỳ, loại gỗ hương, điều này phù hợp với lời khai của ông Ch, bà V và những người làm chứng Trịnh Hữu N, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Bảo V, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh T, những người làm chứng này đều khai được ông Ch thuê vận chuyển chân, ván của bộ ngựa chân quỳ đến cửa hàng tole HP. Như vậy việc mua bán bộ ngựa chân quỳ là thực tế có xảy ra.

Về giá của bộ ngựa chân quỳ: đại diện cho ông H, bà T xác nhận mua bộ ngựa chân quỳ giá 100.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ đã trả cho ông Ch 100.000.000 đồng. Ông H, bà T có cung cấp biên nhận ngày

08/02/2021 nội dung ông Ch có nhận 100.000.000 đồng của bà Tiến, điều này phù hợp với số tiền ông H, bà T mua bộ ngựa của ông Ch. Ngoài ra, nội dung tờ biên nhận trên không thể hiện ông Ch vay tiền của ông H, bà T. Từ đó cấp sơ thẩm không chấp nhận việc ông H, bà T yêu cầu ông Ch trả 100.000.000 đồng là có căn cứ. Ông H, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Văn Ch:

Vào ngày 14/12/2020 Công ty TNHH Dịch vụ thương mại SL AG và ông Ch có ký kết hợp đồng kinh tế cung cấp và lắp đặt thiết bị số 108/2020 - HĐKT-TL. Theo hợp đồng Công ty sẽ tiến hành lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời giá 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng cho ông Ch. Công ty SL đã tiến hành lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho ông Ch xong, nhưng ông Ch không cung cấp được chứng cứ đã thanh toán tiền cho Công ty SL, mà người thanh toán 200.000.000 đồng cho Công ty SL là Công ty TNHH HP thông qua ủy nhiệm chi ngày 17/12/2020. Mặc dù giữa ông H, bà T không lập văn bản vay tiền, nhưng việc Công ty HP trả tiền lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Công ty SL được ông Cao Thanh L đại diện theo pháp luật của Công ty SL xác nhận, khi được Ông L nói lại việc ông H đã thanh toán cho Công ty SL 200.000.000 đồng thì ông Ch không phản đối. Ngày 22/12/2020 giữa Công ty SL và ông Ch lập biên bản nghiệm thu thì ông Ch không có ý kiến gì về việc trả tiền hay chưa trả tiền cho Công ty SL, chứng tỏ ông Ch đã biết việc ông H, bà T đã trả tiền cho Công ty SL thay ông. Tại phiên tòa đại diện cho ông Ch trình bày ông Ch đã thanh toán tiền lắp đạt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Công ty SL làm 03 đợt như thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Từ những nhận định trên cấp sơ thẩm buộc ông Ch phải trả cho ông H, bà T 200.000.000 đồng là có căn cứ, ông Ch kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà T và ông Ch phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T và ông Lê Văn Ch.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T đối với ông Lê Văn Ch về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản".

Buộc ông Lê Văn Ch có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày ông H, bà T có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Chcòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T đối với ông Lê Văn Ch về việc ông H, bà T yêu cầu ông Ch trả số tiền vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Ch đối với ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T về việc ông Ch yêu cầu ông H, bà T trả số tiền 10.000.000 đồng.

Không cấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị V là chủ Hộ kinh doanh TĐ đối với ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T về việc bà V yêu cầu ông H, bà T trả số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn Ch phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng, khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002650 ngày 05 tháng 07 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Ông Ch phải nộp thêm 9.700.000 (chín triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị V – Chủ Hộ kinh doanh TĐ phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007437 ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị V – Chủ Hộ kinh doanh TĐ phải nộp thêm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng, khấu trừ vào 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002427 ngày 14 tháng 05 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Ông H, bà T được nhận lại 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về án phí phúc thẩm:

- Ông Lê Văn H, bà Đỗ Thị Kim T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H, bà T đã nộp tại biên lai thu số 0007660 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, buộc ông H, bà T phải nộp thêm 300.000 đồng.

- Ông Lê Văn Ch phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Chđã nộp biên lai thu số 0007666 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND thị xã Tân Châu (1);
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu (1);
- Đương sự (6);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng